

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hỗ trợ kinh phí trợ giúp khó khăn đột xuất

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 14/02/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định mức trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 78/TTr-SLĐTBXH ngày 15/3/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đồng ý cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội sử dụng số tiền **32.400.000 đồng** (Ba mươi hai triệu, bốn trăm nghìn đồng) từ nguồn kinh phí đảm bảo xã hội đã cân đối cho ngành Lao động - Thương binh và Xã hội năm 2017 để hỗ trợ kinh phí đột xuất cho các hộ dân có người bị thương nặng do mưa lũ gây ra trên địa bàn tỉnh năm 2016.

(Có danh sách và mức hỗ trợ cụ thể kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết và thanh, quyết toán kinh phí nêu trên theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. */m*

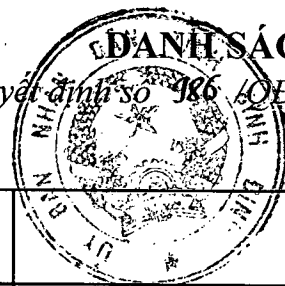
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT Nguyễn Tuấn Thanh;
- PVP Nguyễn Đức Thi;
- Lưu: VT, K20.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh



DANH SÁCH CỨU TRỢ ĐỘT XUẤT

(Kèm theo Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 21 / 3 /2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ	Số tiền (đồng)
1	Trịnh Thị Hồng	1964	Thôn Phở Đồng, xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước	2.700.000
2	Nguyễn Minh Sang	1981	Thôn Kim Đông, xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước	2.700.000
3	Võ Hùng Cường	1965	Thôn Thanh Liêm, xã Nhơn An, thị xã An Nhơn	2.700.000
4	Huỳnh Thị Tuyết	1938	KV Phú Thành, phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn	2.700.000
5	Nguyễn Thị Luận	1945	Thôn Mỹ Hóa, xã Cát Hanh, huyện Phù Cát	2.700.000
6	Nguyễn Đình Huân	1953	Thôn Khánh Lộc, xã Cát Hanh, huyện Phù Cát	2.700.000
7	Nguyễn Tiến Phúc	1988	Thôn Trinh Vân Bắc, xã Mỹ Trinh, huyện Phù Mỹ	2.700.000
8	Nguyễn Thị Lắm	1939	Thôn Trung Thành 3, xã Mỹ Quang, huyện Phù Mỹ	2.700.000
9	Trần Khánh Hoàng	1957	Thôn Tường An, xã Mỹ Quang, huyện Phù Mỹ	2.700.000
10	Trà Thị Tẩu	1950	Thôn Vĩnh Nhơn, xã Mỹ Tài, huyện Phù Mỹ	2.700.000
11	Trần Thị Lanh	1940	Thôn Mỹ Hội 2, xã Mỹ Tài, huyện Phù Mỹ	2.700.000
12	Huỳnh Thị Vân	1942	Thôn Vĩnh Lý, xã Mỹ Tài, huyện Phù Mỹ	2.700.000
				32.400.000